

THỰC TRẠNG KIẾN THỨC VÀ THỰC HÀNH VỀ PHÒNG NGỪA TẾ NGÃ CHO NGƯỜI BỆNH CỦA ĐIỀU DƯỠNG TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÀ NAM NĂM 2019

Nguyễn Thị Thúy¹, Trần Văn Long²

¹Trường Cao đẳng Y tế Hà Nam,

²Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

TÓM TẮT

Mục tiêu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang nhằm đánh giá thực trạng kiến thức và thực hành về phòng ngừa té ngã cho người bệnh của Điều dưỡng (ĐD) tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam năm 2019. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** 47 ĐD của 4 khoa được chọn để trả lời bộ câu hỏi thiết kế sẵn, đồng thời được quan sát thực hiện các hoạt động phòng ngừa té ngã cho người bệnh hàng ngày tại khoa. **Kết quả:** Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong tổng số 47 điều dưỡng viên tham gia nghiên cứu, tỷ lệ điểm kiến thức đạt chiếm 38,3%, không đạt chiếm 61,7%; tỷ lệ điểm thực hành đạt chiếm 17,1%, không đạt chiếm 82,9%;

80,9% thường xuyên cập nhật kiến thức về phòng ngừa nguy cơ té ngã và 85,1% đối tượng có nhu cầu tập huấn về phòng ngừa té ngã. ĐD tại các khoa hệ ngoại có tỷ lệ điểm kiến thức ở mức độ đạt (66,7%) cao hơn ĐD tại các khoa hệ nội 8,7% ($p < 0,05$). Tỷ lệ ĐD nữ có đánh giá nguy cơ té ngã cho người bệnh (74,3%) cao hơn ĐD nam 33,3% ($p < 0,05$). **Kết luận:** Cần có một chương trình tập huấn nâng cao kiến thức, thực hành phòng ngừa té ngã cho ĐD tại bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam

Từ khóa: Kiến thức, thực hành, phòng ngừa té ngã.

CURRENT STATUS OF NURSES' KNOWLEDGE, PRACTICE ON FALLS-RISK PREVENTION FOR PATIENTS AT SOME CLINICAL DEPARTMENTS IN HA NAM GENERAL HOSPITAL IN 2019

ABSTRACT

Objective: To describe the Nurses' knowledge and practice on prevention of falls risk for patients in Ha Nam General Hospital in 2019. **Method:** 47 nurses of 4 departments were selected to answer the questionnaires which were designed, simultaneously observing the implementation of daily falls prevention activities for patients. **Results:** The results showed that, among 47 nurses participating in the study, the rate of correct knowledge

accounts for 38.3% while the level under number is 61.7%; the percentage of practice points accounts for 17.1% while the level under number is 82.9%; 80.9% regularly update their knowledge about prevention of falls and 85.1% of those are in need of training. The nurses work at surgical wards has the rate of correct knowledge (66,7%) higher than the nurses work at medical wards 8,7% ($p < 0,05$). The female nurses who assessed the risk of falls for patients (74.3%) is higher than male nurses 33.3% ($p < 0.05$). **Conclusion:** A training program to improve knowledge and practice of falls prevention for Nurses is needed at Ha Nam general hospital .

Keywords: Knowledge, practice, prevention of falls.

Người chịu trách nhiệm: Nguyễn Thị Thúy

Email: nguyenthuycyh@gmail.com

Ngày phản biện: 08/8/2019

Ngày duyệt bài: 20/8/2019

Ngày xuất bản: 22/10/2019

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (2018): “ té ngã là một biến cố dẫn đến việc một người không chủ ý nằm xuống mặt đất hoặc sàn nhà hay một vị trí thấp khác” [7]. Té ngã có thể gây tử vong hoặc không gây tử vong nhưng để lại di chứng.

Té ngã trong bệnh viện là một một trong những mối quan tâm lớn về sức khỏe cộng đồng và là nguyên nhân thứ hai gây tử vong do tai nạn trên toàn thế giới [7]. Nhân viên bệnh viện đặc biệt là điều dưỡng cần đánh giá và đánh giá lại mức độ rủi ro của người bệnh khi bị té ngã để đảm bảo rằng người bệnh được an toàn trong thời gian nằm viện [2]. Vì vậy, Điều dưỡng đóng vai trò hết sức quan trọng trong công tác phòng ngừa té ngã cho người bệnh. Để hoàn thành tốt vai trò đó, người điều dưỡng cần phải có kiến thức và thực hành phòng ngừa té ngã cho người bệnh [6]

Với mong muốn có được số liệu cụ thể về kiến thức, thực hành phòng ngừa té ngã cho người bệnh làm bằng chứng cho hoạt động đảm bảo an toàn người bệnh của điều dưỡng viên tại bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam, chúng tôi thực hiện đề tài: *“Thực trạng kiến thức và thực hành về phòng ngừa té ngã cho người bệnh của Điều dưỡng tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam năm 2019”* với mục tiêu:

Mô tả thực trạng kiến thức và thực hành về phòng ngừa té ngã cho người bệnh của Điều dưỡng tại một số khoa lâm sàng Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam năm 2019.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Địa điểm, đối tượng nghiên cứu

2.1.1. Địa điểm nghiên cứu

Khoa Nội thần kinh - cơ - xương khớp, Khoa Nội tim mạch, Khoa Ngoại tổng hợp, Ngoại Chấn thương chỉnh hình thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam.

2.1.2. Đối tượng nghiên cứu

Điều dưỡng trực tiếp chăm sóc người bệnh, có thời gian làm việc trên 1 năm.

2.1.3. Thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 01/2019 đến tháng 05/2019. Thời gian thu thập số liệu vào tháng 3 năm 2019.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang.

2.2.2. Cơ mẫu và phương pháp chọn mẫu

Chọn toàn bộ 47 điều dưỡng viên đang công tác tại Khoa Nội thần kinh - cơ - xương khớp, Khoa Nội tim mạch, Khoa Ngoại tổng hợp, Ngoại Chấn thương chỉnh hình thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam.

2.3. Công cụ thu thập số liệu

Công cụ đánh giá kiến thức của điều dưỡng được phát triển dựa trên biểu mẫu 2E là phần đánh giá kiến thức về té ngã dành cho điều dưỡng viên (2E: Fall Knowledge Test) trong tài liệu của Tổ chức Nghiên cứu xây dựng Chính sách Y tế và Chất lượng Hoa Kỳ (AHRQ). Bộ câu hỏi gồm có 24 câu trong đó có 13 câu (từ câu 12 đến câu 24) sử dụng để đánh giá kiến thức của điều dưỡng về phòng ngừa té ngã, Bộ câu hỏi đã được thử nghiệm và đảm bảo độ tin cậy (Cronbach's Alpha = 0,81) [3]. Điểm tối đa đạt được là 33 điểm tương ứng với 33 ý trả lời đúng, kiến thức chung về phòng ngừa té ngã của Điều dưỡng viên được chia theo 2 mức độ là đạt (≥ 17 điểm) và không đạt (≤ 16 điểm).

Công cụ để đánh giá thực hành: chúng tôi sử dụng Bảng đánh giá nguy cơ té ngã của Bệnh viện Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh (Sửa đổi công cụ đánh giá của Bệnh viện Johns Hopkins), là bảng kiểm gồm 20 hoạt động [1]; Mỗi hoạt động được đánh giá theo thang đo Linkert 5 mức độ: Mức 1: không làm, không có bằng chứng thực hiện (1 điểm); Mức 2: có làm một phần, chỉ làm cho xong việc (2 điểm) ; Mức 3: có làm đạt trung bình, thực hiện chưa đầy đủ. (3 điểm) Mức 4: có làm đạt tốt, thực hiện đầy đủ (4 điểm); Mức 5: có làm rất tốt, thực hiện đầy đủ và thường xuyên (5 điểm). Thực hành được xem là đạt khi điểm trung bình ≥ 3 điểm.

2.4. Phương pháp thu thập số liệu

Phòng vấn trực tiếp đối tượng nghiên cứu bằng bộ câu hỏi được thiết kế trước để đánh giá kiến thức;

Để đánh giá thực hành của điều dưỡng về phòng ngừa té ngã cho người bệnh, chúng tôi sử dụng phương pháp quan sát có tham gia kết hợp sử dụng bảng kiểm;

2.5. Xử lý và phân tích số liệu

Số liệu thu thập từ các biểu mẫu sẽ được làm sạch và xử lý rồi nhập vào phần mềm SPSS 16.0 trên máy tính máy hai lần độc lập. Sử dụng phương pháp phân tích số liệu thống kê mô tả: các biến định tính được mô tả bằng bảng, biểu đồ dưới dạng tần số/tỷ lệ; các biến định lượng được mô tả bằng trung bình, độ lệch chuẩn (các số liệu đã được test phân bố chuẩn). Độ tin cậy trong nghiên cứu này là 95% (CI=95%)

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 3.1. Đặc điểm đối tượng (n=47)

Đặc điểm		SL	TL (%)
Giới	Nam	12	25,53
	Nữ	35	74,47
Nhóm tuổi	< 30 tuổi	5	10,64
	31 – 45 tuổi	38	80,85
	> 45 tuổi	4	8,51
Tuổi	Trung bình	36,77 ± 6,38	
Đơn vị công tác	Khoa Nội thần kinh - cơ - xương khớp	10	21,28
	Khoa Nội tim mạch	13	27,66
	Khoa Ngoại tổng hợp	13	27,66
	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	11	23,40
Trình độ chuyên môn	Trung cấp	17	36,17
	Cao đẳng	4	8,51
	Đại học	26	55,32
Cập nhật kiến thức	Có	38	80,85
	Không	9	19,15
Nhu cầu tập huấn	Có	40	85,11
	Không	7	14,89

Điều dưỡng tham gia nghiên cứu có tỷ lệ nữ giới (74,47%) cao gấp 3 lần nam giới (25,53%). Đa số ở nhóm tuổi 30-45 (80,85%) và được phân bố khá đều ở 4 khoa tham gia nghiên cứu. Hơn một nửa (55,32%) ĐD có trình độ đại học (55,32%), trình độ trung cấp chiếm 36,17%

Bảng 3.2. Xếp loại điểm kiến thức của Điều dưỡng viên về phòng ngừa té ngã (n=47)

Kiến thức	SL	TL (%)
Đạt (≥ 17 điểm)	18	38,29
Không đạt (≤16 điểm)	29	61,71
Tổng số	47	100,00

Đối tượng có điểm kiến thức ở mức không đạt (61,7%), mức đạt (38,3%). Điểm trung bình kiến thức trước can thiệp là 15,85 (SD = 3,94)

Bảng 3.3. Phân loại thực hành Điều dưỡng viên về dự phòng nguy cơ té ngã (n=47)

Thực hành	SL	TL (%)
Đạt (≥ 3 điểm)	8	17,09
Không đạt (≤ 2 điểm)	39	82,91
Tổng số	47	100,00

Tỷ lệ ĐD có điểm thực hành ở mức không đạt (82,9%), mức đạt (17,1%). Điểm trung bình thực hành là 2,69 (SD = 0,24). Tuy nhiên, ở từng hoạt động của ĐD trình bày ở bảng 3.4 cho thấy hình ảnh khả quan hơn, có 7/20 (35%) hoạt động phòng ngừa té ngã của ĐD ở mức đạt; gần 2/3 hoạt động phòng ngừa té ngã của ĐD ở mức không đạt.

Bảng 3.4. Điểm thực hành của Điều dưỡng viên về dự phòng nguy cơ té ngã theo từng hoạt động (n=47)

TT	Nội dung	Điểm TB	Xếp loại
Q1	Thông báo và giải thích NN, NB về mức độ nguy cơ té ngã của NB.	2,72	Không đạt
Q2	Mang vòng tay phù hợp	1,47	Không đạt
Q3	Hướng dẫn NB và, hoặc NN sử dụng các thiết bị trong phòng bệnh và nhà vệ sinh như: chuông cảnh báo, đèn, tay vịn, mở chốt cửa nhà vệ sinh...	3,49	Đạt
Q4	Hướng dẫn NB/NN sử dụng giày dép có độ bám tốt, lưu ý các vị trí dễ trượt té trong nhà vệ sinh.	2,89	Không đạt
Q5	Giữ môi trường an toàn: đồ dùng như bàn ăn, ghế nằm... sắp xếp gọn gàng, sàn nhà khô ráo.	3,34	Đạt
Q6	Thực hiện từ bước 1 đến bước 5 (ở trên)	2,94	Không đạt
Q7	Bố trí vật dụng sinh hoạt cần thiết gần NB	3,04	Đạt
Q8	Bên cạnh và hỗ trợ NB khi di chuyển ngay cả khi vào nhà VS (nếu có thể).	1,45	Không đạt
Q9	Giám sát NB liên tục trong 24 giờ	1,38	Không đạt
Q10	Hỏi nguyên nhân té ngã	1,45	Không đạt
Q11	Hướng dẫn NB, NN một số tác dụng phụ của thuốc như: tụt huyết áp, gây ngủ, thời gian chảy máu kéo dài...	2,77	Không đạt
Q12	Hướng dẫn NB mang kính hoặc thiết bị trợ thính phù hợp để đảm bảo an toàn khi di chuyển	2,94	Không đạt
Q13	Cung cấp cây treo dịch truyền, túi dẫn lưu có thể đẩy khi di chuyển.	3,26	Đạt
Q14	Đảm bảo cố định chắc chắn vị trí tiêm truyền, ống DL, ống thông tiểu... trước khi cho NB di chuyển	3,04	Đạt
Q15	Cung cấp các phương tiện hỗ trợ NB khi di chuyển vào nhà vệ sinh, nhà tắm như xe lăn (nếu có thể)	2,81	Không đạt
Q16	Cung cấp các vật dụng hỗ trợ việc vệ sinh cá nhân, tiêu tiểu tại chỗ	2,87	Không đạt
Q17	Sắp xếp NB nằm ở vị trí dễ theo dõi và gần phòng làm việc của ĐD nhất (nếu có thể)	3,79	Đạt
Q18	NB kích động: cố định NB an toàn	1,62	Không đạt
Q19	Đảm bảo phòng bệnh yên tĩnh, tránh tiếng ồn	3,70	Đạt
Q20	Cung cấp các thông tin thích hợp về nguy cơ té ngã và an toàn NB	2,89	Không đạt

Bảng 3.5. Mối liên quan giữa một số đặc điểm nhân khẩu học của điều dưỡng với kiến thức phòng ngừa té ngã (n=47)

Đặc điểm		Kiến thức trước can thiệp	
		Đạt	Không đạt
Giới	Nam	6 (50,0%)	6 (50,0%)
	Nữ	12 (34,3%)	23 (65,7%)
$\chi^2=0,934; p>0,05;$ <i>Chi - square Test.</i>			
Tuổi	< 30 tuổi	3 (60,0%)	2 (40,0%)
	30 – 45 tuổi	12 (31,6%)	26 (68,4%)
	> 45 tuổi	3 (75,0%)	1 (25,0%)
$\chi^2=4,003; p>0,05;$ <i>Phi and Cramer's V Test</i>			
Khoa công tác	Hệ ngoại	16 (66,7%)	8 (33,3%)
	Hệ nội	2 (8,7%)	21 (91,3%)
$\chi^2=16,703; p<0,05;$ <i>Fisher's Exact Test.</i>			
Thâm niên công tác	< 10 năm	8 (50,0%)	8 (50,0%)
	10 – 20 năm	6 (24,0%)	19 (76,0%)
	> 20 năm	4 (66,7%)	2 (33,3%)
$\chi^2=5,133; p>0,05;$ <i>Phi and Cramer's V Test</i>			

Kết quả bảng 3.5 cho thấy: Yếu tố khoa công tác của điều dưỡng: Tỷ lệ kiến thức mức **đạt** cao nhất ở Hệ ngoại (khoa Ngoại tổng hợp và Ngoại chấn thương) là 66,7%, tỷ lệ kiến thức mức **không đạt** cao nhất ở khoa Hệ nội (khoa Nội tim mạch và khoa Nội thần kinh - cơ xương khớp) là 91,3%. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p<0,05$.

4. BÀN LUẬN

Trong nghiên cứu của chúng tôi, đa phần đối tượng là nữ giới (74,5%) cao gấp gần 3 lần so với đối tượng nam giới (25,5%), tỷ lệ đối tượng có tuổi đời 30-45 chiếm đa số (80,8%). Kết quả này thể hiện đặc thù riêng của ngành điều dưỡng nên

Bảng 3.6. Mối liên quan giữa một số đặc điểm nhân khẩu học của điều dưỡng với tuân thủ đánh giá nguy cơ té ngã (n=47)

Đặc điểm		Đánh giá nguy cơ té ngã	
		Có	Không
Giới	Nam	4 (33,3%)	8 (66,7%)
	Nữ	26 (74,3%)	9 (25,7%)
$\chi^2=6,491; p<0,05;$ <i>Fisher's exact test</i>			
Tuổi	< 30 tuổi	3 (60,0%)	2 (40%)
	30 – 45 tuổi	23 (60,5%)	15 (39,5%)
	> 45 tuổi	4 (100,0%)	0 (0,0%)
$\chi^2=2,478; p>0,05;$ <i>Phi and Cramer's V test</i>			
Khoa công tác	Hệ ngoại	16 (66,7%)	8 (33,3%)
	Hệ nội	14 (60,9%)	9 (39,1%)
$\chi^2=0,171; p>0,05;$ <i>Chi - square Test.</i>			
Thâm niên công tác	< 10 năm	11 (68,8%)	5 (31,2%)
	10 – 20 năm	14 (56,0%)	11 (44%)
	> 20 năm	5 (83,3%)	1 (16,7%)
$\chi^2=1,820; p>0,05;$ <i>Phi and Cramer's V test</i>			

Tỷ lệ có tuân thủ đánh giá nguy cơ té ngã ở nữ giới (74,3%) cao hơn ở nam giới (33,3%); Tỷ lệ không tuân thủ đánh giá nguy cơ té ngã ở nam giới (66,7%) cao hơn ở nữ giới (25,7%). Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$).

cũng tương đồng với một số nghiên cứu về an toàn người bệnh, phòng ngừa sự cố y khoa trong và ngoài nước. Hơn một nửa đối tượng tham gia nghiên cứu có trình độ đại học, đây là một điểm sáng của ngành Y tế nói chung và ngành Điều dưỡng nói riêng của tỉnh Hà Nam.

Tỷ lệ ĐD có kiến thức về phòng ngừa té ngã ở mức không đạt còn khá cao (61,7%), tỷ lệ này cao hơn các nghiên cứu ở Indonesia (30,8%) và Saudi Arabia (26,1%). Thực hành về phòng ngừa té ngã ở mức không đạt chiếm 82,9%, cao hơn hầu hết các nghiên cứu trước đó [4], [5]. Sự khác biệt về tỷ lệ nói trên khi so sánh kết quả nghiên cứu của chúng tôi với các nghiên cứu của một số nước trong khu vực phần nào phản ánh mối quan tâm về vấn đề an toàn người bệnh nói chung và phòng ngừa té ngã nói riêng ở Việt Nam còn hạn chế so với các nước trong khu vực. Thực tế là ngành Y tế nước ta trong những năm gần đây đã chú trọng hơn đến các chính sách vĩ mô về an toàn người bệnh cũng như cải tiến chương trình đào tạo điều dưỡng ở các trường chuyên nghiệp, tuy nhiên cần phải có thời gian để chính sách này đi vào cuộc sống và cũng cần phải có sự vào cuộc tích cực của hệ thống quản lý điều dưỡng các cấp.

Phân tích mối liên quan giữa kiến thức, thực hành phòng ngừa té ngã của ĐD với một số yếu tố như: Tuổi; Giới tính; Trình độ chuyên môn; Đơn vị công tác; Thời gian công tác... chúng tôi chỉ tìm được mối liên quan giữa đơn vị công tác với kiến thức và giới tính với sự tuân thủ phòng ngừa té ngã cho người bệnh của ĐD ($p < 0,05$). Kết quả này cho thấy một thực tế rằng dù ĐD ở trình độ nào, thời gian công tác nhiều hay ít đều có điểm kiến thức và thực hành phòng ngừa té ngã còn hạn chế, điều đó còn có bằng chứng củng cố thêm rằng đa số ĐD (85,11%) có nhu cầu được tập huấn nâng cao kiến thức thực hành phòng ngừa té ngã. Ở một góc nhìn lạc quan hơn, mặc dù hiện nay kiến thức, thực hành phòng ngừa té ngã cho người bệnh của ĐD còn nhiều hạn chế song cũng có tín hiệu tốt giúp cho Phòng Điều dưỡng Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam xây dựng những kế hoạch, giải pháp nhằm cải thiện tình trạng trên.

5. KẾT LUẬN

- Kiến thức của Điều dưỡng về phòng ngừa té ngã ở mức không đạt khá cao

(61,7%); Đa số ĐD có điểm thực hành ở mức không đạt (82,9%).

- ĐD tại các khoa hệ ngoại có tỷ lệ điểm kiến thức phòng ngừa té ngã ở mức đạt (66,7%) cao hơn tại các khoa hệ nội ($p < 0,05$); Tỷ lệ ĐD nữ có đánh giá nguy cơ té ngã cho người bệnh (74,3%) cao hơn ĐD nam ($p < 0,05$).

- 85,1% ĐD có nhu cầu tập huấn về phòng ngừa té ngã. Cần có một chương trình tập huấn nâng cao kiến thức, thực hành phòng ngừa té ngã cho ĐD tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (2016). *Quy trình phòng ngừa và xử trí té ngã đối với người bệnh nội trú*, tr. 8-9.
2. Bộ Y tế (2018). *Thông tư số 43/2018/TT về Hướng dẫn phòng ngừa sự cố y khoa trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh*.
3. Agency for Healthcare Research and Quality (2013). 2E Fall Knowledge Test. *Preventing Fall in Hospitals: A Toolkit for Improving Quality of Care*, No 13-0015-EF, 119-122.
4. Faisal Asiri (2017). Fall prevention knowledge and practice patterns among home healthcare professionals in southern Saudi Arabia: an observational study, *Journal of International Medical Research*, 2018, 46:12. 5062-5073.
5. Hesti Oktaviani (2015). *Hubungan Pengetahuan Dengan Kepatuhan Perawat Dalam Pelaksanaan Standar Prosedur Operasional Pencegahan Resiko Jatuh Pasien Di Ruma Sakit Panti Waluyo Surakarta*.
6. Lee In Kyoung (2011). Factor Associated with Nurses' Activities for Hospital Fall Prevention, *The Korean Journal of Rehabilitation Nursing*, 2013, 16.1, 55-62.
7. WHO (2018). *Falls fact sheet*. <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/falls>, [Accessed 6 January 2019]